

Câu 1: Phát biểu nào dưới đây là sai về phát triển kinh tế?

- A. Phát triển kinh tế là kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng về xã hội.
- B. Phát triển kinh tế là sự tăng tiến mọi mặt về kinh tế - xã hội của một quốc gia.
- C. Phát triển kinh tế là quá trình biến đổi về lượng của một quốc gia trong thời gian nhất định.
- D. Phát triển kinh tế là quá trình tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội.

Câu 2: Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào tiêu chí nào dưới đây?

- A. Cơ cấu vùng kinh tế.
- B. Cơ cấu ngành kinh tế.
- C. Tiềm lực quốc phòng.
- D. Cơ cấu thành phần kinh tế.

Câu 3: Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch vùng sản xuất.
- B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.
- C. Chuyển dịch việc phân phối.
- D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

Câu 4: Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế thì tăng trưởng kinh tế **không** đóng vai trò nào dưới đây đối với phát triển kinh tế?

- A. Là nội dung của phát triển bền vững.
- B. Là động lực của phát triển xã hội.
- C. Là điều kiện cần thiết để phát triển bền vững.
- D. Là nhân tố bên ngoài của phát triển bền vững.

Câu 5: Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

- A. tổng thu nhập quốc nội (GDP).
- B. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.
- C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.
- D. tổng thu nhập quốc dân (GNI).

Câu 6: Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Mức sống bình dân.
- B. Tiến bộ xã hội.
- C. Cơ cấu dòng tiền.
- D. Tăng trưởng dân số.

Câu 7: Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ góp phần

- A. tăng tỷ lệ đói nghèo đa chiều.
- B. gia tăng phân hóa giàu nghèo.
- C. giải quyết tốt vấn đề việc làm.
- D. gia tăng lệ thuộc vào thế giới.

Câu 8: Phát biểu nào dưới đây là đúng về phát triển kinh tế?

- A. Mục tiêu của phát triển kinh tế là xây dựng được cơ cấu kinh tế hiện đại.
- B. Phát triển kinh tế là quá trình tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội.
- C. Phát triển kinh tế là quá trình biến đổi về lượng của nền kinh tế
- D. Muốn phát triển kinh tế cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao.

Câu 9: Tăng trưởng kinh tế được biểu hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Tập trung đến sự tiến bộ về phân phối thu nhập.
- B. Đảm bảo phát triển bền vững về môi trường.
- C. Sự gia tăng quy mô sản lượng của nền kinh tế.
- D. Chú trọng vào cải thiện chất lượng cuộc sống.

Câu 10: Phát biểu nào dưới đây là sai về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế?

- A. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hoá, giáo dục.
- B. Một quốc gia muốn phát triển bền vững, chỉ cần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.
- C. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch trình độ phát triển giữa các vùng.
- D. Phát triển kinh tế góp phần thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế.

Câu 11: Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

- A. Thực hiện phân phối công bằng.
- B. Nâng cao mức sống người dân.
- C. Gia tăng khoảng cách giàu nghèo.
- D. Thu hẹp khoảng cách các vùng.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây **không** phải là tiêu chí thể hiện sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia?

- A. Sự gia tăng thu nhập của người dân.
- B. Sự gia tăng của dân số.
- C. Sự gia tăng của hàng hóa.
- D. Sự gia tăng mức sống của người dân.

Câu 13: Quá trình tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Phát triển kinh tế.
- B. Tăng trưởng kinh tế.
- C. Hội nhập kinh tế.
- D. Kinh tế đối ngoại.

Câu 14: Đối với mỗi quốc gia, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nào dưới đây là tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế?

- A. Cơ cấu vùng kinh tế.
- B. Cơ cấu lãnh thổ.
- C. Cơ cấu ngành kinh tế.
- D. Cơ cấu thu nhập.

Câu 15: Giá trị bằng tiền của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong thời gian nhất định được gọi là

- A. tổng thu nhập quốc dân (GNI).
- B. tổng thu nhập quốc nội (GDP).
- C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.
- D. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.

Câu 16: Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế nếu tăng trưởng kinh tế không hợp lý sẽ tác động như thế nào tới việc phát triển kinh tế của mỗi quốc gia?

- A. Không tác động tới sự phát triển.
- B. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển
- C. Kìm hãm và tác động tiêu cực.
- D. Thúc đẩy và tạo động lực.

Câu 17: Ngoài việc căn cứ vào sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kỳ nhất định, người ta còn căn cứ vào sự tăng lên của yếu tố nào dưới đây?

- A. Thu nhập của đối tượng yếu thế.
- B. Thu nhập trung bình của các quốc gia.
- C. Thu nhập trung bình của người dân.
- D. Thu nhập của tầng lớp thượng lưu.

Câu 18: Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào chỉ số nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. Lạm phát và thất nghiệp.
- C. Tiến bộ và công bằng xã hội.
- D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Câu 19: Cụm từ GNI là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng thu nhập quốc dân.
- B. Tổng thu nhập quốc dân theo đầu người.
- C. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.
- D. Tổng sản phẩm quốc nội.

Câu 20: Một trong những thước đo để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế của một quốc gia đó là dựa vào

- A. chỉ số giảm nghèo đa chiều.
- B. tổng hàng hóa xuất khẩu.
- C. tổng thu nhập quốc dân.
- D. chỉ số phát triển bền vững.

Câu 21: Phát biểu nào dưới đây là đúng về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế?

- A. Mức tăng chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập.
- B. Mức tăng tổng thu nhập quốc dân trong một thời kỳ nhất định.
- C. Mức tăng dân số của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định.
- D. Mức tăng thu nhập của từng cá nhân trong một thời kỳ nhất định.

Câu 22: Đối với mỗi quốc gia, tăng trưởng kinh tế là

- A. quá trình phân phối lại tiền tệ.
- B. sự mất giá của đồng tiền nội địa.
- C. quá trình kiểm chế lạm phát.
- D. sự gia tăng mức sống người dân.

Câu 23: Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

- A. Phát triển lực lượng sản xuất.
- B. Nâng cao năng xuất lao động.
- C. Khai thác tiềm năng kinh tế.
- D. Làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.

Câu 24: Khi đánh giá sự phát triển kinh tế, người ta **không** căn cứ vào sự tăng lên của yếu tố nào dưới đây?

A. Mức thu nhập của người dân.

C. Chỉ số giá cả của hàng hóa.

B. Chỉ số bất bình đẳng xã hội.

D. Chỉ số phát triển con người.

Câu 25: Đối với một quốc gia tăng trưởng và phát triển kinh tế có vai trò quan trọng, là điều kiện cần thiết để

A. thúc đẩy tỷ lệ thất nghiệp.

C. thúc đẩy phân hóa giàu nghèo.

B. gia tăng tỷ lệ lạm phát.

D. khắc phục tình trạng đói nghèo.

Câu 26: Một quốc gia được coi là có sự phát triển về kinh tế khi cơ cấu ngành nông nghiệp giảm đi, cơ cấu ngành công nghiệp, dịch vụ có xu hướng

A. giảm theo.

B. tăng lên.

C. không đổi.

D. cân bằng.

Câu 27: Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của tăng trưởng kinh tế?

A. Sự gia tăng dân số của một quốc gia.

C. Số lao động tham gia sản xuất.

B. Mức tăng tổng sản phẩm quốc nội.

D. Tổng diện tích đất được sử dụng.

Câu 28: Trong các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội, chỉ tiêu nào dưới đây **không** là căn cứ để đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia?

A. Chỉ số đói nghèo dân cư.

C. Chỉ số lạm phát theo thời kỳ.

B. Chỉ số phát triển con người.

D. Chỉ số bất bình đẳng thu nhập.

Câu 29: Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào chỉ số nào dưới đây?

A. Tình trạng đói nghèo.

C. Bất bình đẳng xã hội

B. Phát triển con người.

D. Quản trị người mua hàng.

Câu 30: Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ góp phần

A. nâng cao tỷ lệ thất nghiệp.

C. kiểm chế mở rộng việc làm.

B. hạn chế nguồn thu ngân sách.

D. nâng cao phúc lợi xã hội.

Câu 31: Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế nếu tăng trưởng kinh tế mà không chú trọng đến phát triển bền vững sẽ gây ra hậu quả nào dưới đây?

A. Mở rộng hội nhập quốc tế.

C. Môi trường bị suy thoái.

B. Bất bình đẳng xã hội giảm.

D. Vấn đề thất nghiệp giảm.

Câu 32: Cụm từ GDP là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Tổng sản phẩm quốc dân.

C. Tổng sản phẩm quốc nội.

B. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.

D. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.

Câu 33: Phát biểu nào dưới đây là sai về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế?

A. Một quốc gia muốn phát triển kinh tế chỉ cần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

B. Phát triển bền vững là sự bảo đảm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện để thúc đẩy phát triển bền vững.

D. Các quốc gia đều đặt mục tiêu phát triển bền vững nhưng muốn phát triển được phải dựa vào tăng trưởng kinh tế.

Câu 34: Đối với một quốc gia, khi đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế, người ta **không** căn cứ vào chỉ tiêu nào dưới đây?

A. Tổng sản phẩm quốc nội.

C. Tổng thu nhập quốc dân.

B. Thu nhập quốc nội bình quân đầu người.

D. Kết quả thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ.

Câu 35: Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế **không** thể hiện ở chỉ tiêu nào dưới đây?

A. Chỉ tiêu về thu nhập quốc dân.

C. Chỉ tiêu về thu nhập quốc nội.

B. Chỉ tiêu về thu thuế toàn cầu.

D. Chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế.

Câu 36: Đối với một quốc gia, tăng trưởng kinh tế được thể hiện ở sự gia tăng ở

A. thu nhập người dân.

C. tỷ lệ thất nghiệp.

B. chỉ số lạm phát.

D. tỷ lệ tử vong.

Câu 37: Phát biểu nào dưới đây là sai về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế?

- A. Mức tăng tổng sản phẩm quốc nội trong một thời kỳ nhất định.
- B. Mức tăng tổng thu nhập quốc dân trong một thời kỳ nhất định.
- d. Mức tăng chỉ số gia tiêu dùng của một nền kinh tế hàng năm.
- d. Mức tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người hàng năm.

Câu 38: Đối với một quốc gia, khi đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế, người ta **không** căn cứ vào chỉ tiêu nào dưới đây?

- A. Giảm nghèo đa chiều.
- B. Thu nhập quốc dân theo đầu người.
- C. Thu nhập quốc dân.
- D. Thu nhập quốc nội theo đầu người.

Câu 39: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với mỗi quốc gia?

- A. Giải quyết vấn đề việc làm.
- B. Nâng cao vị thế của nước ta.
- C. Nâng cao cuộc sống người dân.
- D. Thúc đẩy phân hóa giàu nghèo.

Câu 40: Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của phát triển kinh tế?

- A. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch trình độ phát triển.
- B. Phát triển kinh tế góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước
- C. Phát triển kinh tế nhanh sẽ kéo theo việc tàn phá tài nguyên gia tăng.
- D. Phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hóa, giáo dục.

Câu 1: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

Câu 1: Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong thông tin trên?

- A. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.
- B. Công tác giải quyết việc làm, bảo hiểm.
- C. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người)
- D. Tỷ lệ lạm phát và tăng giá hàng tiêu dùng.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây về phát triển kinh tế không được đề cập trong thông tin trên?

- A. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người).
- B. Tổng sản phẩm quốc dân (GDP).
- C. Tốc độ tăng dân số hàng năm.
- D. Thu nhập quốc nội theo đầu người (GDP/người).

Câu 3: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của nước ta trong giai đoạn này?

- A. Quyết định nhất.
- B. Không đáng kể.
- C. Kìm hãm.
- D. Động lực.

Câu 2: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân

tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động

Câu 1: Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

A. Thu nhập bình quân theo GDP.

B. Tốc độ tăng dân số.

C. Tốc độ tăng GDP.

D. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

A. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao.

B. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.

C. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

D. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

Câu 3: Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

A. Tăng trưởng dân số.

B. Tốc độ tăng lạm phát.

C. Tăng trưởng việc làm.

D. Tăng trưởng kinh tế.

Câu 3: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Cơ cấu kinh tế ngành và nội ngành chuyển biến tích cực; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo và ứng dụng công nghệ cao tăng lên. Cơ cấu lao động chuyển dịch từ khu vực năng suất lao động thấp sang khu vực năng suất lao động cao hơn. Tỉ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động cả nước giảm từ 48,6% năm 2010 xuống còn 34% năm 2020. Tỉ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 21,7% lên 30,3%; ngành dịch vụ từ 29,7% lên khoảng 35,7% trong cùng giai đoạn;... Đời sống người dân không ngừng được cải thiện; tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Thu nhập bình quân đầu người tăng 3,1 lần, từ 16,6 triệu đồng năm 2010 lên 51,5 triệu đồng năm 2019. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Mạng lưới cơ sở y tế phát triển rộng khắp, năng lực, chất lượng khám, chữa bệnh và y đức được nâng lên; y tế cơ sở được chú trọng. Tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi năm 2010 lên 73,7 tuổi vào năm 2020.

Câu 1: Nội dung nào dưới đây không phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của nước ta?

A. Chuyển dịch cơ cấu lao động.

B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.

C. Năng suất lao động xã hội.

D. Vấn đề việc làm và thu nhập.

Câu 2: Một nền kinh tế được coi là phát triển khi cơ cấu lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ phải lớn hơn lao động tham gia vào khu vực

A. công nghiệp.

B. vận tải.

C. dịch vụ.

D. nông nghiệp.

Câu 3: Giải quyết tốt vấn đề nào dưới đây sẽ góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) ở nước ta hiện nay?

A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

B. Gia tăng tỷ trọng ngành dịch vụ.

C. Phát triển nông nghiệp hữu cơ.

D. Giải quyết việc làm và thu nhập.

Câu 1: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tổng tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu. Để thực hiện và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội, nhất định chúng ta phải xây dựng môi trường xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với một hệ giá trị thật sự tiến bộ.

a) Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước. *Đúng, vì khi tăng trưởng kinh tế cao sẽ tạo những tiền đề vật chất để thực hiện các mục tiêu về con người.*

b) Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. *Sai, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo nó là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.*

c) Việt Nam đã giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế. *Đúng, những kết quả đạt được về tốc độ tăng GDP, về tỷ lệ hộ nghèo, về chỉ số con người đã phản ánh nước ta giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế*

d) Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. *Sai, đây là những nội dung cơ bản phản ánh sự phát triển bền vững.*

Câu 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,12%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,38%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284,5 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022).

a) Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chưa phù hợp với các chỉ tiêu về phát triển kinh tế. *Sai, cơ cấu ngành kinh tế chuyển biến tích cực, công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn, nông nghiệp ngày càng giảm.*

b) Thu nhập 4284,5USD/1 người năm 2023 thể hiện thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người của nước ta. *Sai đây là thu nhập quốc nội theo đầu người (GDP/người)*

c) Năng suất lao động là một chỉ tiêu cơ bản phản ánh sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của một quốc gia. *Sai, đây chỉ nói về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*

d) Trình độ của người lao động là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế. *Sai, đây chỉ nói về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*

Câu 3: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động

a) Trong giai đoạn 2011 – 2020 Việt Nam luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. *Đúng, điều này thể hiện ở quy mô GDP tăng 2.4 lần sau 10 năm.*

b) Phát triển kinh tế góp phần giúp nước ta thực hiện tốt các vấn đề xã hội. *Đúng, nhờ phát triển kinh tế, chúng ta có tiềm lực vật chất thực hiện các vấn đề xã hội.*

c) Việc chúng ta đầu tư nhiều cho phát triển xã hội sẽ kéo giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. *Sai, Việt Nam luôn chú trọng cả phát triển kinh tế và xã hội, phát triển xã hội sẽ tạo tiềm lực để phát triển kinh tế.*

d) Trong quá trình phát triển, Việt Nam luôn đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển. *Đúng, đây là thể hiện bản chất ưu việt của chế độ ta*

